

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2025/DS - PT
Ngày: 28 - 3 - 2025
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Lực
Ông Lê Thành Trung

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Bé Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 363/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 182/2024/DS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 46/2025/QĐ - PT ngày 10 tháng 02 năm 2025 và Thông báo số: 83/TB – TA ngày 13 tháng 3 năm 2025 về việc tiếp tục phiên tòa giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:***

1. Ông Thạch T, sinh năm 1959 (có mặt)
2. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Địa chỉ: số A, đường Đ, khóm H, phường F, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Thạch T, bà Huỳnh Thị H: Ông Võ Minh T1, sinh năm 1961. Địa chỉ: khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, theo Văn bản ủy quyền ngày 01/3/2023. (có mặt)

- ***Bị đơn:***

1. Bà Thạch Thị Xuân M, sinh năm 1965 (có mặt)
2. Ông Trần Minh Đ, sinh năm 1964 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Minh Đ, bà Thạch Thị Xuân M: Ông Phan Văn H1, sinh năm 1963. Địa chỉ: số B, ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, theo Văn bản ủy quyền ngày 18/9/2024. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Minh Đ, bà Thạch Thị Xuân M là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn ông Thạch T, bà Huỳnh Thị H và trong quá trình giải quyết vụ án ông Võ Minh T1 người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 27/12/2005 ông Thạch T, bà Huỳnh Thị H, ông Thạch Thanh S, bà Dương Thị Sô Quanh N nhận thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất của cha mẹ là ông Thạch N1, bà Sơn Thị Bờ . Ông T, bà H nhận thừa kế thửa đất số 291, tờ bản đồ số 9, diện tích 420m², còn ông S, bà Quanh N nhận thừa kế thửa đất số 290, diện tích 2510m² cùng tờ bản đồ số 9, loại đất cây lâu năm, tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Năm 2011 ông Thạch Ngọc S1 cùng vợ bà Thạch Thị Sô Quanh N2 chuyển nhượng thửa đất số 290, diện tích 2510m² cho bà Thạch Thị Xuân M và ông Trần Minh Đ; tại thời điểm chuyển nhượng do giấy tờ bị thất lạc việc chuyển nhượng đất giữa ông S1, bà Quanh N2 cho bà Xuân M, ông Minh Đ như thế nào ông T, bà H không biết. Trong quá trình sử dụng đến năm 2012 ông Đ, H xây dựng hàng rào lưới B40 lấn chiếm luôn thửa đất số 291, tờ bản đồ số 9, diện tích 420m², của ông T, bà H đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2005. Nay ông Thạch T, bà Huỳnh Thị H yêu cầu ông Trần Minh Đ, bà Thạch Thị Xuân M tháo dỡ hàng rào lưới B40, di dời tài sản trên đất đi nơi khác, trả lại diện tích đất 420m², thuộc thửa số 291, tờ bản đồ số 9, loại đất cây ăn quả cho ông T, bà H.

Bị đơn ông Trần Minh Đ, bà Thạch Thị Xuân M và ông Phan Văn H1 là người đại diện hợp pháp của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Vào năm 1988 ông Thạch N1, bà Sơn Thị B kêu bán 03 công đất, giá 01 công bằng 01 chỉ vàng 24k nhưng không ai mua. Năm 2005 ông Thạch T và ông Thạch Ngọc S1 kêu nhiều người bán 03 công đất giá 100.000.000 đồng/công cũng không có ai mua. Đến tháng 12/2011 ông Thạch T, ông Thạch Ngọc S1 tiếp tục kêu bán 03 công đất nói trên giá 80.000.000 đồng/công, ông Trần Minh Đ, bà Thạch Thị Xuân M mới thống nhất mua, theo lời trình bày của ông Thạch T lúc cha, mẹ còn sống có chia cho ông T 0,5 công (500m²) chia cho ông Thạch Ngọc S1 2,5 công (2.500m²). Lúc bán đất ông T, ông S1 nói đất chưa khảo sát đo đạc lại, ông Đ, bà M nói có thiếu đủ gì ông bà vẫn mua. Việc mua bán có làm giấy tay, ông Đ, bà M đã trả đủ số tiền đất cho ông T, ông S1 bằng 240.000.000 đồng có sự chứng kiến của bà Huỳnh Thị H, bà Thạch Thị Mai X và sau đó bà M có đem giấy tay nhờ ông Lâm Văn H2 lúc đó là Bí thư, kiêm Trưởng ban nhận dân ấp xác nhận. Lúc chuyển nhượng đất, do ông T thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền ngân hàng nên hai bên thỏa thuận khi nào đến hạn trả nợ cho Ngân hàng lấy

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra thì ông T giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ, bà M làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất chính thức nhưng đến nay ông T không chịu giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ, bà M để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Nay ông Trần Minh Đ, bà Thạch Thị Xuân M yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Thạch T, bà Huỳnh Thị H với ông Đ, bà M, diện tích 420m², thuộc thửa số 291, tờ bản đồ số 9 loại đất cây ăn quả, tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 182/2024/DS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã quyết định:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông Thạch T, bà Huỳnh Thị H.

Bác lời nài ra và yêu cầu của ông Phan Văn H1, ông Trần Minh Đ, bà Thạch Thị Xuân M.

Buộc ông Trần Minh Đ, bà Thạch Thị Xuân M di dời hàng rào lưới B40, các công trình phụ và cây trái hoa màu có trên đất đi nơi khác trả lại cho ông Thạch T, bà Huỳnh Thị H thửa đất số 291, tờ bản đồ số 9, diện tích 420m², loại đất cây ăn quả, tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Buộc ông Thạch T, bà Huỳnh Thị H hoàn trả cho ông Trần Minh Đ, bà Thạch Thị Xuân M số tiền tôn tạo san lấp mặt bằng thửa đất số 291 bằng 60.261.600 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí thẩm định, định giá và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13 tháng 11 năm 2024, bị đơn ông Trần Minh Đ, bà Thạch Thị Xuân M kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất 291 giữa ông Đ, bà M với ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, vị Kiểm sát viên cho rằng: Mặc dù giấy tay mua bán thửa đất 291 ông Đ, bà M không xuất trình được cho Tòa án nhưng xét trên thực tế thửa đất này bà M, ông Đ đã sử dụng từ năm 2011 cho đến nay; quá trình sử dụng gia đình ông Đ, bà M đã đổ cát san lấp, xây dựng các công trình và trồng cây trên đất, gia đình ông T ở kề bên không ngăn cản hay tranh chấp gì. Ông Lâm

Hiếu T2 cũng xác nhận, vào năm 2011 ông T2 có xác nhận vào giấy tay mua bán đất giữa ông Đ, bà M với ông T, ông S1; khi nhà nước mở rộng đường, ông T2 có vận động gia đình ông Đ, bà M hiến đất làm đường, ông T cũng không có ý kiến gì. Do đó, đủ cơ sở khẳng định thửa đất 291 là ông T đã chuyển nhượng cho ông Đ, bà M vào năm 2011. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ, bà M, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Thạch T cho rằng ông không có chuyển nhượng thửa đất 291 cho vợ chồng ông Trần Minh Đ và bà Thạch Thị Xuân M, việc ông Đ, bà M sử dụng thửa đất 291 là do ông Đ, bà M lấn chiếm. Còn bị đơn ông Trần Minh Đ, bà Thạch Thị Xuân M cho rằng thửa đất 291 là ông Đ, bà M nhận chuyển nhượng của ông T cùng với phần đất của ông Thạch Ngọc S1 (em ông T) vào năm 2011, hai bên có làm giấy tay có sự chứng kiến của bà Thạch Thị Mai X; sau đó bà M có đem tờ giấy tay đến nhờ ông L Hiếu Thuận xác nhận, giấy tay mua bán nay đã bị thất lạc.

[2] Theo lời khai của ông Lâm Hiếu T2 (lúc đó là Bí Thư, kiêm trưởng ban N3) cho rằng vào năm 2011, bà Thạch Thị Xuân M có đem giấy tay sang đất giữa vợ chồng bà Xuân M với ông Thạch Ngọc S1, ông Thạch T với nội dung là ông Thạch Ngọc S1, ông Thạch T chuyển nhượng cho vợ chồng bà M 03 công đất giá mỗi công 80.000.000 đồng, tổng số tiền là 240.000.000 đồng. Thời gian sau đó thì ông có vận động gia đình bà M hiến đất làm lộ trong đó có phần đất gia đình bà M nhận chuyển nhượng của ông Thạch T và ông Thạch Ngọc S1. Còn gia đình ông Thạch T về cất nhà ở gần phần đất chuyển nhượng cho vợ chồng bà M khoảng năm 2009 cho đến nay (BL57, 346 - 347). Tại xác nhận của Công an xã L ngày 18/7/2023 xác nhận: Ông Thạch T cùng gia đình ngụ xóm H, phường F, thành phố T có tạm trú theo đất tại ấp H từ năm 2009 đến nay (BL 54). Theo lời khai của bà Thạch Thị Mai X cho rằng, khi nhận chuyển nhượng thửa 290, thửa 291 của ông T, ông S1 thì ông Đ, bà M có mượn tiền của bà Thạch Thị Mai X số tiền 100.000.000 đồng, khi giao tiền cho ông T, ông S1 thì bà Mai X có đi cùng và chính bà giao 100.000.000 đồng cho ông T, ông S1, số tiền 140.000.000 đồng thì bà M giao cho ông T, ông S1 (BL 59).

[3] Về quá trình sử dụng đất: Trên thực tế phần đất đang tranh chấp thửa 291 và thửa đất 290 (bà M, ông Đ nhận chuyển nhượng của ông Thạch Ngọc S1) thì gia đình bà M sử dụng từ năm 2011 cho đến nay. Trước khi gia đình bà M sử dụng thì hiện trạng hai thửa đất 290, thửa 291 là đất lúa, trũng thấp, việc này được

người dân địa phương xác nhận (BL167 - 174). Trong quá trình sử dụng gia đình bà M đổ cát san lấp; xây hàng rào (*trụ bê tông cốt thép, phía dưới xây tường, phía trên gắn lưới B40*); xây dựng các công trình như học chứa phân bò; sân lát xi măng, cống thoát nước..., trồng cây lâu năm như xoài (trên 11 năm tuổi 05 cây), dừa... (BL 78 – 81). Theo lời khai của ông Trang Văn D xác nhận vào khoảng năm 2012 – 2013 thì gia đình bà M có kêu ông S2 lấp đất ruộng, đất ao phần đất tọa lạc ấp H, xã L, ông đổ khoảng 300 xe, mỗi xe 5,5m³, trong quá trình ông đổ cát san lấp không có ai ra ngăn cản hay tranh chấp gì phần đất gia đình bà M nhận chuyển nhượng của ông Thạch T, ông Thạch Ngọc S1 (BL60).

[4] Xét về vị trí thửa đất 291: Ở hướng Tây thửa đất 291 là tiếp giáp với thửa đất 295, thửa 296 của gia đình bà M, ông Đ; ở hướng Đông của thửa 291 là thửa đất 290 của ông Thạch Ngọc S1 (*thửa 290 gia đình bà M nhận chuyển nhượng của ông S1*). Như vậy, thửa đất 295, thửa 296 của gia đình bà M tiếp giáp với thửa đất 291 của ông T rồi đến thửa đất 290 của ông S1. Điều này cho thấy, khi bà M, ông Đ nhận chuyển nhượng thửa 290 của ông S1 thì phải nhận chuyển nhượng thửa đất 291 của ông T mới sử dụng đất liền canh, liền cư. Trên hiện trạng, ông Đ, bà M đã xây dựng hàng rào chạy dài từ phần đất thửa 296 cho đến thửa đất 290 trong đó có thửa đất 291 nằm giữa.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, ông T cho rằng lý do ông không ngăn cản việc gia đình bà M, ông Đ đổ cát san lấp, xây hàng rào, các công trình và trồng cây trên thửa đất 291 của ông là do ông thất lạc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông không ngăn cản. Hội đồng xét xử xét thấy lời nại ra này của ông T là không hợp lý vì nếu như thửa đất 291 ông T không có chuyển nhượng cho ông Đ, bà M thì dù ông T có thất lạc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông T vẫn có quyền ngăn cản việc ông Đ, bà M sử dụng phần đất này của ông.

[6] Từ những chứng cứ và phân tích trên [1], [2], [3], [4], [5], Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù giấy tay nhận chuyển nhượng thửa đất 291, ông Đ, bà M không xuất trình cho Tòa án được nhưng căn cứ vào quá trình sử dụng, cải tạo đất của gia đình bà M, ông Đ; lời khai của người làm chứng ông Lâm Hiếu T2, bà Thạch Thị Mai X, của người dân địa phương; việc gia đình ông T ở gần phần đất tranh chấp nhưng không phản đối, ngăn cản việc gia đình bà M, ông Đ sử dụng đất như đổ cát san lấp, xây hàng rào, các công trình và trồng cây ..., đã đủ cơ sở khẳng định thửa đất 291 là ông T đã chuyển nhượng cho bà M, ông Đ vào năm 2011.

[7] Xét về hợp đồng chuyển nhượng phần đất này giữa bà M, ông Đ với ông T: Như nhận định ở phần trên, đã có đủ cơ sở khẳng định ông T đã chuyển nhượng thửa đất 291 cho ông Đ, bà M. Mặc dù hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M, ông Đ với ông T có vi phạm về hình thức nhưng ông Đ,

bà M đã giao đủ tiền cho ông T và ông T đã giao đất cho bà M, ông Đ sử dụng. Do đó, căn cứ vào Điều 129 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M, ông Đ với ông T đối với thửa đất 291 có hiệu lực pháp luật. Theo khoản 1, khoản 2 Điều 129 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “1. *Giao dịch dân sự đã được xác lập theo quy định phải bằng văn bản nhưng văn bản không đúng quy định của luật mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó.* 2. *Giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó. Trong trường hợp này, các bên không phải thực hiện việc công chứng, chứng thực*”.

[8] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[9] Về chi phí thẩm định, định giá: Số tiền 5.442.598 đồng. Do ông T, bà H nộp tạm ứng số tiền 10.000.000 đồng, ông T, bà H đã nhận lại số tiền 6.557.402 đồng tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Ông Đ, bà M nộp tạm ứng số tiền 2.000.000 đồng nên buộc ông T, bà H nộp lại số tiền 2.000.000 đồng để trả lại cho ông Đ, bà M.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án toàn bộ phí dân sự sơ thẩm cho ông Thạch T, bà Huỳnh Thị H.

Bà Thạch Thị Xuân M, ông Trần Minh Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Thạch Thị Xuân M, ông Trần Minh Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 182/2024/DS - ST ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ các Điều 129, 500 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 100, 166, 167, 179 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thạch T, bà Huỳnh Thị H yêu cầu bị đơn ông Trần Minh Đ, bà Thạch Thị Xuân M di dời tài sản trên đất trả lại diện tích đất 420m², loại đất cây ăn quả, thuộc thửa số 291, tờ bản đồ số 9, tọa lạc ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho ông T, bà H.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trần Minh Đ, bà Thạch Thị Xuân M với ông Thạch T đối với thửa số 291, diện tích đất 420m² [thực đo diện tích 521,2m² (phần ký hiệu A, B, F)], loại đất cây ăn quả, tờ bản đồ số 9, tọa lạc ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh có hiệu lực pháp luật. Phần diện tích đất 521,2m² (phần ký hiệu A, B, F) có vị trí, tứ cận theo Sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số: 237/CNHCT ngày 24/02/2025 của Văn phòng Đ1 – Chi nhánh huyện C.

Ông Trần Minh Đ, bà Thạch Thị Xuân M được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất 521,2m² (phần ký hiệu A, B, F), loại đất cây ăn quả, thuộc thửa 291, tờ bản đồ số 9, tọa lạc ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh trên theo quyết định của Bản án này sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có).

2. Về chi phí thẩm định, định giá: Buộc nguyên đơn ông Thạch T, bà Huỳnh Thị H phải chịu số tiền 5.442.598 đồng. Do ông T, bà H nộp tạm ứng số tiền 3.442.598 đồng; ông Đ, bà M nộp tạm ứng số tiền 2.000.000 đồng nên buộc ông T, bà H nộp lại số tiền 2.000.000 đồng để trả lại cho ông Đ, bà M.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án toàn bộ phí dân sự sơ thẩm cho ông Thạch T, bà Huỳnh Thị H.

Bà Thạch Thị Xuân M, ông Trần Minh Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Minh Đ, bà Thạch Thị Xuân M không phải chịu. Hoàn trả cho bà M 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà M đã nộp theo biên lai số 0009604 ngày 13/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Châu Thành;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

Đặng Văn Hùng